

PHÂN TÍCH TÁC PHẨM TINH THẦN YÊU NƯỚC CỦA NHÂN DÂN TA

1. Bài văn mẫu số 1

Nhân dân ta không chỉ giàu về tình nghĩa, truyền thống hiếu học, tôn sư trọng đạo,... mà còn có lòng yêu nước nồng nàn, cháy bỏng. Lòng yêu nước trở thành một truyền thống đẹp đẽ, quý báu của nhân dân ta, nó được phát huy và thể hiện mạnh mẽ mỗi khi tổ quốc bị xâm lăng. Truyền thống quý báu đó được thể hiện rõ nhất qua đoạn trích: “Tinh thần yêu nước của nhân dân ta” của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Bài văn được trích trong Báo cáo chính trị tại Đại hội lần thứ II, tháng 2 năm 1951 của Đảng Lao động Việt Nam. Bài văn có thể coi là một mẫu mực về lập luận, bố cục và cách dẫn chứng của thể văn nghị luận. Trước hết về nội dung, văn bản nêu lên luận đề cơ bản: “Nhân dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là truyền thống quý báu của ta”. Mỗi khi tổ quốc bị xâm lăng, tinh thần ấy được phát huy một cách mạnh mẽ. Trong câu văn tiếp theo tác giả đã sử dụng động từ với hình thức tăng tiến: lướt qua, nhấn chìm cùng với đó là hình ảnh so sánh tinh thần yêu nước như một làn sóng mạnh mẽ, đã cho thấy rõ lòng yêu nước nồng nàn của nhân dân ta. Để làm sáng tỏ chân lí đó tác giả đã chứng minh nó ở hai thời điểm: quá khứ và hiện tại.

Mở bài: Từ đầu đến lũ cướp nước: Tinh thần yêu nước là một truyền thống quý báu của nhân dân ta. Đó là sức mạnh to lớn trong các cuộc chiến đấu chống xâm lăng. Thân bài: Tiếp theo đến lòng nồng nàn yêu nước: Chứng minh những biểu hiện cụ thể của tinh thần yêu nước trong lịch sử chống ngoại xâm và trong cuộc kháng chiến hiện tại. Kết bài: Phần còn lại: Nhiệm vụ của Đảng là động viên, khích lệ tinh thần yêu nước của nhân dân ta ngày càng phát huy mạnh mẽ để cuộc kháng chiến chống Pháp đi tới thành công. Bố cục như trên cho thấy sự hợp lí và chặt chẽ trong phương pháp lập luận. Nghệ thuật nổi bật nhất của bài văn là cách lựa chọn và trình bày dẫn chứng.

Phần mở bài nêu lên vấn đề được đưa ra nghị luận: Dân ta có lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta... nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước. Trong cuộc sống chiến đấu, trong xây dựng biểu hiện của lòng yêu nước rất phong phú và đa dạng, ở bài viết này, tác giả nhấn mạnh đến lòng yêu nước ở các cuộc chống ngoại xâm bởi nó được bộc lộ mạnh mẽ nhất, cụ thể nhất. Đặc điểm lịch sử của đất nước ta là luôn phải đương đầu với giặc ngoại xâm nên rất cần đến lòng yêu nước và tinh thần xả thân vì nước. Trên thực tế, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đang diễn ra quyết liệt, đòi hỏi phải phát huy cao độ tinh thần thi đua yêu nước của toàn dân, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhiệt liệt biểu dương những gương sáng về lòng yêu nước.

Bề dày lịch sử truyền thống yêu nước của nhân dân ta đã được tác giả đưa ra dẫn chứng cụ thể ở các thời đại Bà Trưng, Bà Triệu, Lê Lợi, Quang Trung,... đây là những vị anh hùng của dân tộc. Lấy những dẫn chứng hết sức tiêu biểu, mỗi nhân vật lịch sử gắn liền với một chiến công hiển hách, vang dội đã làm cho người đọc thấy rõ tinh thần yêu nước của tổ tiên, ông cha. Không dừng lại ở đó, để mở rộng luận điểm, làm người đọc tin và bị thuyết phục hơn nữa, tác giả tiếp tục lấy dẫn chứng đến thời điểm hiện tại.

Ở đoạn tiếp theo Hồ Chí Minh tập trung chứng minh tinh thần yêu nước của nhân dân trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược bằng hàng loạt các dẫn chứng. Sau câu chuyện đoạn “Đồng bào ta ngày nay cũng rất xứng đáng với tổ tiên ta ngày trước” Hồ Chí Minh đã khái quát lòng yêu nước ghét giặc của nhân dân: “Từ các cụ già tóc bạc đến các cháu nhi đồng trẻ thơ, từ những kiều bào ở nước ngoài đến những đồng bào ở vùng bị tạm

chiếm, từ nhân dân miền ngược đến nhân dân miền xuôi, ai cũng một lòng nồng nàn yêu nước, ghét giặc”.

Tiếp đó bằng hình thức liệt kê, kết hợp với mô hình liên kết từ ...đến Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cho thấy rõ lòng yêu nước của mọi tầng lớp, lứa tuổi, giai cấp,... Những dẫn chứng đó vừa cụ thể vừa toàn diện, thể hiện sự cảm phục, ngưỡng mộ tinh thần yêu nước của đồng bào ta trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Xuống phần cuối - kết thúc vấn đề - tác giả dùng lí lẽ để xoáy sâu, nhấn mạnh luận đề. Nhưng lí lẽ không khô khan nhờ một hình ảnh so sánh rất độc đáo. Bác Hồ so sánh lòng yêu nước của dân ta - một khái niệm trừu tượng - với một hình ảnh cụ thể. "Tinh thần yêu nước cũng như các thứ của quý. Có khi được trưng bày trong tủ kính, trong bình pha lê, rõ ràng dễ thấy. Nhưng cũng có khi cất giấu kín đáo trong rương, trong hòm...". Qua ba câu văn ngắn, trong đó có hai câu rút gọn (hai câu sau: Có khi được... Nhưng cũng có khi...) sinh động, tượng hình này, người đọc, người nghe dễ dàng hiểu rằng: lòng yêu nước của đất nước ta biểu hiện bằng hai trạng thái: tiềm tàng, kín đáo và bộc lộ rõ ràng, trực tiếp.

Ý tưởng sâu sắc, mang tầm khái quát cao, nhưng lời văn, ngôn ngữ thì giản dị, đúng như nhiều người nhận xét: Văn của Hồ Chí Minh bao giờ cũng đạt tới chuẩn mực "bốn dễ": dễ đọc, dễ hiểu, dễ nhớ và dễ vận dụng. Do đó, kết thúc bài viết - một phần trong Báo cáo Chính trị trước các cán bộ cao cấp của Đảng ta bấy giờ - vị lãnh tụ tối cao, người cầm lái con thuyền kháng chiến nêu ra nhiệm vụ cụ thể thì ai nấy đều hiểu và đều thề hứa với Người sẽ vận dụng vào thực tế công tác của mình. Và chúng ta ngày nay, khi đọc văn bản này cũng hiểu rõ để suy ngẫm sâu thêm về tấm lòng, trí tuệ và tài năng của Bác, làm theo lời Bác dạy: Phát huy tinh thần yêu nước trong công việc cụ thể hằng ngày, việc học tập, lao động và ứng xử với mọi người...

Tóm lại, bằng những lí lẽ giản dị, sâu sắc và những dẫn chứng cụ thể, phong phú, giàu sức thuyết phục trong lịch sử và cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, bài Tinh thần yêu nước của nhân dân ta đã làm sáng tỏ một chân lí: "Dân tộc ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta". Bài văn là một mẫu mực về bố cục, lập luận, cách dẫn chứng của thể văn nghị luận chứng minh. Qua bài văn, chúng ta hiểu thêm và kính trọng: tấm lòng của Hồ Chí Minh đối với dân với nước; tài năng, trí tuệ của Người trong văn chương, kể cả thơ ca và văn xuôi.

2. Bài văn mẫu số 2

Lịch sử của dân tộc Việt Nam ta chính là lịch sử của những cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm trường kỳ, từ thuở sơ khai cho đến tận thế kỷ 20 với những cuộc chiến oanh liệt vĩ đại, chiến thắng cả đế quốc Pháp và Mĩ sau gần một trăm năm tranh đấu không ngừng nghỉ. Và để có được những chiến công oanh liệt ghi dấu lịch sử như vậy chính là nhờ vào sự hy sinh máu xương của hàng triệu người con anh hùng, sẵn sàng lên tiếng khi Tổ quốc gọi tên. Trong đó vấn đề cốt lõi để làm nên chiến thắng cũng như sự đoàn kết một lòng vì dân tộc ấy là xuất phát từ chính tinh thần yêu nước nồng nàn, sâu sắc, sôi sục trong huyết quản mỗi người dân Việt Nam và trở thành bản chất, truyền thống đáng quý của con người Việt Nam ta. Văn bản nghị luận Tinh thần yêu nước của nhân dân ta của Hồ Chí Minh đã chỉ ra rất rõ về đẹp ấy bằng những dẫn chứng cụ thể, phong phú và giàu sức thuyết phục.

Hồ Chí Minh (1890-1969), quê ở Nam Đàn, Nghệ An, Người là một vị lãnh tụ thiên tài, một nhà chính trị, quân sự kiệt xuất, đồng thời cũng là một nhà văn, nhà thơ lớn của dân tộc, có ảnh hưởng lớn tới nền văn học cách mạng của đất nước. Có thể nói rằng mỗi bước đường văn chương của Người luôn gắn liền với bước đường Cách mạng, Người làm văn là để phục vụ, ca ngợi Cách mạng, khiến cho Cách mạng đến gần với nhân dân hơn, đồng thời cũng là để cổ vũ mạnh mẽ cho Cách mạng được thành công. Tinh thần yêu nước của nhân dân ta

là một trong những tác phẩm tiêu biểu trong gia tài các tác phẩm nghị luận hiện đại của Người, dùng để cổ vũ, ca ngợi và khuyến khích tinh thần yêu nước, đoàn kết đấu tranh của nhân dân trong giai đoạn đất nước còn gặp nhiều khó khăn và cuộc kháng chiến còn nhiều gian khổ.

Đối chiếu với các chuẩn mực của một bài nghị luận, dàn ý của văn bản Tinh thần yêu nước của nhân dân ta như thế rất rành mạch. Ở phần mở bài (đặt vấn đề) tác giả nêu rõ đề tài và luận đề cơ bản, ở câu chủ chốt mở đầu bài văn "Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta", ở phần này, người viết chỉ dùng lí lẽ, không nêu dẫn chứng nào, để giúp người đọc nhận thức tập trung vào vấn đề, trực tiếp, nhanh gọn. Xong phần thân bài (giải quyết vấn đề), tác giả không lập luận bằng lí lẽ chung chung mà nêu các dẫn chứng tiêu biểu. Cách nêu dẫn chứng cũng rành mạch, sáng tỏ. Đoạn trước nêu ngắn gọn những trang sử anh hùng, sáng ngời tinh thần yêu nước của tổ tiên ta, từ thời Bà Trưng, Bà Triệu đến thời Lê Lợi, Quang Trung.

Tiếp theo là các dẫn chứng về con người và sự việc tiêu biểu của nhân dân trong thời kì kháng chiến lúc bấy giờ. Phần này có ý nghĩa giáo dục, thuyết phục thiết thực nên tư liệu, từ ngữ, câu văn nhiều hơn, dài hơn đoạn trước. Ý rành mạch và cân đối. Ở phần giải quyết vấn đề, tác giả chủ yếu dùng dẫn chứng, rất ít lí lẽ, đúng kiểu nghị luận chứng minh. Còn phần kết bài (kết thúc vấn đề), vì có nhiệm vụ nhắc nhở hành động, nên người viết cũng chỉ dùng lí lẽ ngắn gọn, giúp người đọc, người nghe hiểu sâu vấn đề và để làm theo.

Để chứng minh cho hai luận điểm trên Hồ Chí Minh đã lần lượt đưa ra các dẫn chứng, thứ nhất là tinh thần yêu nước của nhân dân ta trong lịch sử đã được thể hiện rõ rệt và sâu sắc trong các cuộc kháng chiến Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung,... lần lượt trải dài thông qua các triều đại mà như Nguyễn Trãi đã từng viết "Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần bao đời gây nền độc lập/Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên xưng đế một phương/Tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau, song hào kiệt đời nào cũng có" là vậy. Từ lịch sử đến hiện tại, tinh thần yêu nước của nhân dân ta lại càng được chứng minh mạnh mẽ thông qua các dẫn chứng vô cùng thuyết phục, và Người đã chỉ ra rằng tinh thần yêu nước ấy không phải riêng một tầng lớp, một lứa tuổi, một vùng miền nào, cũng không phân biệt sang giàu, giới tính mà đó là đặc điểm chung, bản chất chung của toàn dân tộc Việt Nam, những người con máu đỏ da vàng.

Và tinh thần yêu nước ấy của nhân dân ta còn được thể hiện cụ thể, rõ nét thông qua các hành động cử chỉ mà Người liệt kê ví như chiến sĩ ở ngoài tiền tuyến chịu đói theo sát giặc hàng mấy ngày liền, người ở hậu phương nhịn đói dành lương thực cho các chiến sĩ ở tiền tuyến, phụ nữ ở nhà thì khuyên chồng con tòng quân, còn chính bản thân các chị cũng anh hùng xung phong đi làm công việc vận tải, các cụ già yêu bộ đội như con, các anh chị công nhân thì thi đua tăng gia sản xuất, điền chủ quyên ruộng đất cho Nhà nước,... Tất cả những hành động ấy đều góp phần làm cho kháng chiến sớm ngày giành được thắng lợi, đất nước được thống nhất, nhân dân được ấm no, còn có biểu hiện nào rõ nét hơn về tinh thần yêu nước của nhân dân ta được.

Phần kết thúc của tác phẩm, Hồ Chí Minh dùng những lời lí lẽ sắc bén để nhấn mạnh luận đề. Không một chút khô khan, cứng nhắc, Bác vô cùng khéo léo lồng ghép một khái niệm trừu tượng về lòng yêu nước với hình ảnh cụ thể. "Tinh thần yêu nước cũng như các thứ của quý. Có khi được trưng bày trong tủ kính, trong bình pha lê, rõ ràng dễ thấy. Nhưng cũng có khi cất giấu kín đáo trong rương...". Có khi thế này, có khi thế kia, lòng yêu nước được thể hiện qua muôn hình vạn trạng, kiểu cách, nhưng tóm gọn lại chỉ cần trong tim của ta luôn có hình bóng của đất nước, luôn dốc hết sức vì sự phát triển của dân tộc thì đó đều đáng quý. Và để hoàn thiện tốt "lòng yêu nước", bác kêu gọi toàn Đảng toàn dân là phải "ra sức

giải thích, tuyên truyền, tổ chức, lãnh đạo, làm cho tinh thần yêu nước của tất cả mọi người đều được thực hành vào công việc yêu nước, công việc kháng chiến”.

Bằng những lý lẽ, lập luận sâu sắc, luôn biết lắng nghe thấu hiểu lòng dân, Hồ Chí Minh đã xuất sắc đưa ra những dẫn chứng cụ thể, giàu sức thuyết phục trong lịch sử và cuộc kháng chiến chống thực dân pháp. Bác khẳng định một chân lí "Dân tộc ta có một lòng nồng nàn yêu nước". Đó là một truyền thống quý báu của ta". Qua tác phẩm này càng khẳng định được những tố chất tuyệt vời của Người trong lĩnh vực văn chương, thơ ca.

3. Bài văn mẫu số 3

Nhân dân ta không chỉ giàu về tình nghĩa, truyền thống hiếu học, tôn sư trọng đạo,... mà còn có lòng yêu nước nồng nàn, cháy bỏng. Lòng yêu nước trở thành một truyền thống đẹp đẽ, quý báu của nhân dân ta, nó được phát huy và thể hiện mạnh mẽ mỗi khi tổ quốc bị xâm lăng. Truyền thống quý báu đó được thể hiện rõ nhất qua đoạn trích: "Tinh thần yêu nước của nhân dân ta" của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Bài văn được trích trong Báo cáo chính trị tại Đại hội lần thứ II, tháng 2 năm 1951 của Đảng Lao động Việt Nam. Bài văn có thể coi là một mẫu mực về lập luận, bố cục và cách dẫn chứng của thể văn nghị luận. Trước hết về nội dung, văn bản nêu lên luận đề cơ bản: "Nhân dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là truyền thống quý báu của ta". Mỗi khi tổ quốc bị xâm lăng, tinh thần ấy được phát huy một cách mạnh mẽ. Trong câu văn tiếp theo tác giả đã sử dụng động từ với hình thức tăng tiến: lướt qua, nhấn chìm cùng với đó là hình ảnh so sánh tinh thần yêu nước như một làn sóng mạnh mẽ, đã cho thấy rõ lòng yêu nước nồng nàn của nhân dân ta. Để làm sáng tỏ chân lí đó tác giả đã chứng minh nó ở hai thời điểm: quá khứ và hiện tại.

Ngay phần mở đầu, Hồ Chí Minh đã đưa ra vấn đề nghị luận cũng là một lời khẳng định: "Dân tộc ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là truyền thống quý báu của ta,... nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và cướp nước". Tinh thần yêu nước được thể hiện rất phong phú trong đời sống nhưng với đặc thù tình hình đất nước luôn phải đương đầu với những cuộc xâm lăng của kẻ thù nên Hồ Chí Minh đã đặc biệt nhấn mạnh lòng yêu nước khi chiến đấu để bảo vệ Tổ quốc: "mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng thì tinh thần ấy lại sôi nổi...nhấn chìm tất cả lũ bán nước và cướp nước".

Trên thực tế, dân tộc ta đang phải đối mặt với cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đầy cam go và quyết liệt, đòi hỏi dân tộc ta phải phát huy cao độ tinh thần yêu nước và đoàn kết để có thể chiến thắng. Và bây giờ khi nhìn lại lịch sử chúng ta có thể thấy được kết quả to lớn của tinh thần ấy. Ở trong phần mở đầu, để khẳng định sức mạnh to lớn của lòng yêu nước, Hồ Chí Minh đã sử dụng phép so sánh, đã ví tinh thần ấy với hình ảnh làn sóng: "lòng yêu nước đã kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn...". Lòng yêu nước được tác giả nhấn mạnh nhiều lần với việc điệp ngữ và sử dụng đại từ thay thế "Nó", kết hợp với các động từ mạnh "kết thành", "lướt qua", "nhấn chìm" đã làm nổi bật sức mạnh không gì ngăn cản nổi của lòng yêu nước. Âm hưởng hào hùng của câu văn làm lay động trái tim người đọc. Cảm xúc sôi nổi, nhiệt thành và rất đỗi tự hào của Hồ Chí Minh thấm đẫm trong từng câu chữ.

Không dừng lại ở đó, để mở rộng luận điểm, làm người đọc tin và bị thuyết phục hơn nữa, tác giả tiếp tục lấy dẫn chứng đến thời điểm hiện tại. Ở đoạn thứ ba Hồ Chí Minh tập trung chứng minh tinh thần yêu nước của nhân dân trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược bằng hàng loạt các dẫn chứng. Sau câu chuyển đoạn "Đồng bào ta ngày nay cũng rất xứng đáng với tổ tiên ta ngày trước" Hồ Chí Minh đã khái quát lòng yêu nước ghét giặc của nhân dân: "Từ các cụ già tóc bạc đến các cháu nhi đồng trẻ thơ, từ những kiều bào ở nước ngoài đến những đồng bào ở vùng bị tạm chiếm, từ nhân dân miền ngược đến nhân

dân miền xuôi, ai cũng một lòng nồng nàn yêu nước, ghét giặc”. Tiếp đó bằng hình thức liệt kê, kết hợp với mô hình liên kết từ ...đến Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cho thấy rõ lòng yêu nước của mọi tầng lớp, lứa tuổi, giai cấp,... Những dẫn chứng đó vừa cụ thể vừa toàn diện, thể hiện sự cảm phục, ngưỡng mộ tinh thần yêu nước của đồng bào ta trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Từ lịch sử quá khứ, Hồ Chủ tịch nêu nhiều dẫn chứng để chứng minh lòng nồng nàn yêu nước của nhân dân ta trong hiện tại, trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Có câu chuyện ý, chuyện đoạn rất khéo: “Đồng bào ta ngày nay cũng rất xứng đáng với tổ tiên ta ngày trước”. Các dẫn chứng được sắp xếp và trình bày qua 3 câu văn dài, có kết cấu liệt kê, trùng điệp: “từ.. đến...”. Cách viết ấy đã làm sáng lòng nồng nàn yêu nước, tinh thần đại đoàn kết dân tộc và nhiệt tình tham gia kháng chiến của nhân dân ta là vô tận. Các lứa tuổi: “từ các cụ già tóc bạc đến các cháu nhi đồng trẻ thơ”. Đồng bào khắp mọi nơi: “từ những kiều bào ở nước ngoài đến những đồng bào ở vùng bị tạm chiếm, từ nhân dân miền ngược đến miền xuôi...”.

Ở phần kết của văn bản tác giả Hồ Chí Minh đã sử dụng phép so sánh đặc sắc để cụ thể hoá tinh thần yêu nước. Tinh thần yêu nước vốn là khái niệm trừu tượng nhưng nhờ phép so sánh đã trở nên cụ thể, giản dị, dễ hiểu đến bất ngờ: “Tinh thần yêu nước cũng giống như các thứ của quý. Có khi được trưng bày trong tủ kính. Nhưng cũng có khi cất giấu kín đáo trong rương, trong hòm”. Từ đó, Người đã đề ra nhiệm vụ cho toàn Đảng, toàn dân là phải “ra sức giải thích, tuyên truyền, tổ chức, lãnh đạo, làm cho tinh thần yêu nước của mọi người đều được thực hành vào công việc yêu nước, công việc kháng chiến”.

Văn bản được viết trong lúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược đang diễn ra quyết liệt, đòi hỏi phải phát huy cao độ tinh thần yêu nước của toàn dân tộc. Bởi vậy, tác giả Hồ Chí Minh chỉ nhấn mạnh và biểu dương những biểu hiện của tinh thần yêu nước trong công cuộc kháng chiến chống kẻ thù xâm lược chứ không làm rõ biểu hiện của tinh thần yêu nước trong sự nghiệp xây dựng đất nước. Bài văn ra đời góp phần cổ vũ mạnh mẽ cho công cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của quân và dân ta.